TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hạnh và ông Bùi Sỹ Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXX-ST ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Mai N, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn N1, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt (anh N1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Mai N trình bày: Chị và anh Trần Văn N1 kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn giữa chị và anh Nghĩa l hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, C và anh N1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do tính tình không hợp nhau nên trong thời gian sống chung chị N và anh N1 thường bất đồng quan điểm dẫn đến việc kình cãi và đánh nhau. Tháng 7 năm 2018 anh N1 bị bắt, sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 16 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện Đ,

tỉnh Phú Yên. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 ngày càng trầm trọng. Chị N và anh N1 không còn quan tâm, yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Văn N1.

Về con chung: Chị N và anh N1 có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 10/3/2018. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N khai không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 23 tháng 8 năm 2023 bị đơn anh Trần Văn N1 trình bày: Anh N1 và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 28 tháng 9 năm 2017. Sau khi kết hôn anh N1 và chị N chung sống hạnh phúc cho đến ngày 02 tháng 7 năm 2018 thì anh N1 bị bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 16 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy nên anh N1 và chị N không còn sống chung với nhau kể từ thời gian đó đến nay. Vì vậy, anh N1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh N1 thừa nhận anh và chị N có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 10/3/2018, hiện nay đang sống với chị N. Vì hiện nay anh N1 đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên nên anh N1 đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi con theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa thể hiện:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Văn N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mai N: Cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn N1. Về nuôi con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 10/3/2018. Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chia về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử

không xét. Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Mai N yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với anh Trần Văn N1, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Trong vụ án này, bị đơn anh Trần Văn N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đã đủ cơ sở kết luận: Chị Lê Mai N và anh Trần Văn N1 kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị N và anh Nghĩa l hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Nghĩa l hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Mai N: Chị N cho rằng, do tính tình không hợp nhau nên trong thời gian sống chung chị N và anh N1 thường bất đồng quan điểm dẫn đến việc kình cãi và đánh nhau. Từ tháng 7 năm 2018 anh N1 bị bắt và bị kết án 16 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy nên mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 ngày càng trầm trọng không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh N1. Lời khai của anh N1 cũng thể hiện: Do anh N1 bị bắt và bị kết án 16 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy nên từ ngày 02 tháng 7 năm 2018 đến nay anh N1 và chị N không còn chung sống với nhau. Vì vậy, anh N1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N1 thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Mai N với anh Trần Văn N1.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị N và anh N1 có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 10/3/2018, hiện nay đang sống với chị N. Vì

hiện nay anh N1 đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, mặt khác chị N đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, có việc làm đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị N trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê Mai N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Trần Văn N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mai N cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Mai N ly hôn với anh Trần Văn N1.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Mai N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 10/3/2018, khi cháu B chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị N không yêu cầu anh Trần Văn N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Lê Mai N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006651 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/9/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND tỉnh Gia Lai;
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê
(để thi hành khi có hiệu lực);
- UBND phường Ngô Mây, thị xã A
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tứ Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND xã Song An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hòa **Nguyễn Thị Ngọc Lan** **Bùi Tứ Hải**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
-VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND xã Song An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải